Name: …… Date: …….

Class: …….. Teacher: Ms. Thu

Vocabulary Test

English 6 - Unit 11 – A closer look 1

1	Giấy	
2	Tái chế	
3	Sản phẩm	
4	Ly thủy tinh	
5	Giảm, giảm bớt	
6	Tiếng ồn, sự ồn ào	
7	Chai nhựa	
8	Tạo ra	
9	Vật liệu, nguyên liệu đã qua sử dụng	
10	Nhịp điệu	
11	Tái sử dụng, sử dụng lại	
12	Quần áo	
13	Trái đất	
14	Chút ít, ít	
15	Phối hợp, liên kết	
16	Bài báo	
17	Đợi, chờ	
18	Túi giấy	
19	Bài thơ	

LIVEWORKSHEETS